

LUẬN A TỶ ĐẠT MA PHÁP UẨN TỨC QUYỂN 8

Phẩm 13: VÔ SẮC

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đa, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn cõi Vô sắc, bốn loại ấy là:

1. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài các sắc tướng, diệt hết các đối tượng, không còn tư duy suy nghĩ đến các thứ tướng mà nhập vào chỗ không bến bờ (không vô biên) và trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ, đó là thứ nhất.

2. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi không vô biên mà nhập vào thức vô biên và trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ, đó là thứ hai.

3. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi thức vô biên mà nhập vào vô sở hữu và trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ, đó là thứ ba.

4. Như có vị Bí-sô vượt ra ngoài tất cả cõi vô sở hữu mà nhập vào chỗ trụ đầy đủ của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là thứ tư.

Vượt ra ngoài các sắc tướng.

Thế nào là sắc tướng? Nghĩa là nhãn thức đi đôi với các tướng, đều tướng đến các việc ở trước mắt, hiểu rõ và chấp lấy các hình tướng - các sắc đã tướng và sẽ tướng..., gọi chung là sắc tướng. Có tác dụng nên nói cùng năm thức tương ứng với các tướng đều tướng..., cho đến đã tướng và sẽ tướng..., thì gọi chung là sắc tướng. Nay nghĩa trong này chỉ nói nhãn thức tương ứng với các tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng, gọi chung là sắc tướng.

Với các tướng như thế, ngay lúc đó đều vượt và siêu vượt lên tất cả, nên gọi là vượt ra ngoài các sắc tướng, diệt tướng hữu đối.

Có đối tượng là sao? Nghĩa là tại v.v... cả bốn thức sau cùng tương ứng với các tướng đều tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng thì gọi chung là đối tượng. Nay nghĩa trong này thì tại v.v... cả bốn thức sau,

cùng tương ứng với các tướng đều tướng, cho đến đã tướng và sẽ tướng, thì gọi chung là có đối tướng. Có đối tướng như thế, mà ngay lúc đó đã đoạn dứt và biết khắp, xa lìa đến xa lìa cùng cực, điều phục đến điều phục cùng cực, trừ diệt hết, biến mất tiêu, không còn suy nghĩ đến các thứ tướng, nên gọi là diệt hết các đối tướng.

Thế nào là các thứ tướng? Nghĩa là có sự che trùm và ràng buộc. Tức là có các tướng nhiễm ô về sắc - thanh - hương - vị - xúc, là hết thấy tướng bất thiện, là hết thấy tướng không đúng lý gây ra tướng, đó là hết thấy tướng làm chướng ngại cho định..., gọi chung là các thứ tướng.

Tướng ấy khi nó không còn phát khởi lên nữa, không còn nghĩ nhớ, không còn suy nghĩ, không còn đã suy nghĩ hay sẽ suy nghĩ gì cả..., nên gọi là không còn suy nghĩ đến các thứ tướng; nhập vào không vô biên, trụ đầy đủ vào Không vô biên xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Không vô biên xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Không vô biên xứ?

Nghĩa là đối với định này, thì người mới tu nghiệp, trước hết cần phải suy tư tĩnh虑 thứ tư là chướng khổ thô thiển, sau đó mới suy tư Không vô biên xứ là sự xa lìa tịnh diệu (yên tịnh tuyệt diệu). Ngay bấy giờ, nếu tâm người ấy còn bị tán loạn, bay nhảy khắp các cảnh, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm khiến nó trụ vào một duyên để tu tập định Không vô biên xứ. Ở mức này thì chưa thể gọi là gia hạnh của Không vô biên xứ, cũng chưa thể gọi là đã nhập được định Không vô biên xứ. Còn như trong lúc đó, người này biết kìm giữ tâm mình khiến nó không tán loạn bay nhảy khắp các cảnh, mà lại luôn chuyên chú vào một cảnh, trụ niệm vào một duyên để luôn luôn tư duy tu tập hướng vào định Không vô biên xứ. Với suy nghĩ tư duy như thế mà phát sinh sự siêng năng chuyên cần, xu thế rất mạnh mẽ, hăng hái tột độ khó ngăn cản, lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Bấy giờ mới gọi đó là gia hạnh của định Không vô biên xứ, cũng gọi là đã được nhập vào định Không vô biên xứ.

Với đường lối cách thức đó, người ấy đã tu tập lại càng tu tập nhiều hơn lên, liền khiến cho các tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, cứ một mực giữ mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt. Đến đây mới gọi là đã nhập vào định Không vô biên xứ.

Lại trong định này có các thứ tâm - ý - thức thì gọi là tâm có định Không vô biên xứ. Các suy nghĩ đều nghĩ, cho đến tạo ra ý nghiệp của tâm, thì gọi là ý nghiệp có định Không vô biên xứ. Các tâm đã thắng giải, hiểu biết rõ ràng, đã và sẽ hiểu biết rõ ràng mãi, thì cũng gọi là

thắng giải có định Không vô biên xứ.

Lại trong định này thì hoặc thọ hoặc tưởng cho đến hoặc tuệ v.v..., thì gọi là các pháp có định Không vô biên xứ. Các pháp như thế cũng gọi là định Không vô biên xứ.

Vượt tất cả Không vô biên xứ. Nghĩa là lúc đó, người này đối với tướng Không vô biên xứ đều siêu việt tất cả, cho nên gọi là vượt lên (siêu việt) tất cả các thứ Không vô biên xứ.

Nhập vào thức vô biên, trụ đầy đủ vào Thức vô biên xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Thức vô biên xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Thức vô biên xứ? Nghĩa là ở định này thì người mới tu nghiệp, trước hết cần phải suy tư về Không vô biên xứ, coi là chướng khổ thô thiển. Kế đến thì suy tư về Thức vô biên xứ coi là sự xa lìa tịnh diệu, các phần khác cũng rộng nói như Không vô biên xứ.

Vượt tất cả Thức vô biên xứ. Nghĩa là bấy giờ người ấy đối với các tướng của Thức vô biên xứ mà siêu việt và siêu việt tất cả, cho nên gọi là vượt tất cả Thức vô biên xứ.

Nhập vào vô sở hữu và trụ đầy đủ vào Vô sở hữu xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Vô sở hữu xứ, phải tu gia hạnh nào mới nhập được định Vô sở hữu xứ?

Nghĩa là đối với định này, người mới vào tu, thì trước hết phải suy tư về Thức vô biên xứ là chướng khổ thô thiển, kế đó phải suy tư về Vô sở hữu xứ là sự xa lìa tịnh diệu. Các phần khác thì cũng rộng nói như Không vô biên xứ vậy.

Vượt tất cả Vô sở hữu xứ. Nghĩa là bấy giờ người đó đối với các tướng của Vô sở hữu xứ mà (vượt lên) vượt lên tất cả, cho nên gọi là vượt lên tất cả Vô sở hữu xứ.

Nhập vào và trụ đầy đủ vào Phi tướng phi phi tướng xứ.

Thế nào là gia hạnh của định Phi tướng phi phi tướng xứ, phải tu gia hạnh nào để nhập được định Phi tướng phi phi tướng xứ?

Nghĩa là đối với định này, người mới tu nghiệp thì trước hết cần phải suy tư về Vô sở hữu xứ là sự chướng khổ thô thiển, kế đó mới tư duy về Phi tướng phi phi tướng xứ là sự xa lìa tịnh diệu. Các phần khác thì cũng rộng nói như Không vô biên xứ.

Phẩm 14: TU ĐỊNH

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm trú nơi vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo với chúng Bí-sô: Có bốn cách tu định. Những gì là bốn cách? Ấy là:

1. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để có thể chứng được sự an trụ trong pháp vui hiện đời (hiện pháp lạc trụ).

2. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Trí kiến thù thắng.

3. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được tuệ phân biệt tốt nhất.

4. Như có cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được sự diệt hết các lậu.

1. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Hiện pháp lạc trụ?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô ly sinh hỷ lạc đối với thân mình. Nó thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, đầy đủ khắp nơi đầy đủ, vui thích khắp nơi đều vui thích. Do đạt được ly sinh hỷ lạc thì ngay trong thân người ấy, không một phần nhỏ nào mà không đầy đủ vẹn toàn, đó gọi là tu định.

2. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được Trí kiến thù thắng?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô đối với tướng quang minh mà khéo léo giữ gìn, suy tư, tu tập, thấu suốt; không hề có chút khác biệt nào, trong suốt ngày đêm, dù trước hay sau, dù trên hay dưới, luôn tìm cách khai mở tâm trí, lìa xa các màn che trùm; luôn tu tâm chiếu sáng mọi nơi, diệt trừ tâm mê tối và tu vô lượng pháp định. Đó gọi là tu định.

3. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được cái tuệ phân biệt tốt nhất?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô khéo biết các thọ về sinh, các thọ về trụ và các thọ về sự diệt mất. Đối với các trụ niệm này không chỗ nào, khi nào là không trụ niệm, và khéo léo biết rõ các tướng, các tâm..., đối với sự khéo biết thì luôn luôn trụ niệm. Đó gọi là tu định.

4. Thế nào là cách tu định: Hoặc tu tập hoặc làm đủ mọi cách để chứng được sự diệt hết các lậu?

Đáp: Nghĩa là có vị Bí-sô đối với năm uẩn, luôn luôn theo dõi quan sát, thấy chúng luôn ở trong sinh diệt. Nghĩa là đây là sắc, đây là sự tập hợp của sắc, đây là sắc bị tiêu diệt; đây là thọ - tưởng - hành -

thức, đây là sự tập hợp của thọ - tưởng - hành - thức, đây là sự diệt mất của thọ - tưởng - hành - thức. Đó gọi là tu định, tu tập thế nào và làm mọi cách để chứng thực diệt hết các lậu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tóm tắt các nghĩa đã nói trên nên đọc bài tụng:

*Đoạn dục tưởng lo sâu,
Lìa hôn trầm ăn năn,
Được niệm xả thanh tịnh,
Pháp tâm tứ trước mặt.
Hiện pháp lạc là đầu,
Kế và thắng tri kiến, tuệ,
Phá các lậu vô minh,
Sau chứng quả giải thoát.*

Tức là đối với thân mình thì thân cũng gọi là danh thân, căn cũng gọi là danh thân, nơi tụ họp tạo nên của bốn đại cũng gọi là danh thân. Nay nghĩa trong này là nói về danh thân do bốn đại tụ tập tạo ra.

Ly sinh hỷ lạc là ở bậc sơ Tĩnh lự thì có được các cảm xúc (thọ) vui vẻ. Cái cảm xúc đó (thọ đó) nó gồm cả thân khinh an thoải mái và tâm nhẹ nhàng khoan khoái thì gọi là vui mừng, vui tươi. Do lìa bỏ các dục và các điều dữ bất thiện mà khởi lên và sinh ra tất cả rồi tụ họp lại mà xuất hiện ra. Cho nên gọi là ly sinh hỷ lạc. Nó thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần là một nghĩa, đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ là một nghĩa, vui thích khắp nơi đều vui thích là một nghĩa. Do bậc thấp, bậc trung, bậc cao mà cách nuôi lớn có sai khác, giống như một người nông dân, lúc đầu dùng ít nước tưới lên các ruộng trên gò, khi các ruộng lúa trên gò được thấm đầy nước rồi, kế đó mới dùng nước hơn khá mà tưới, đến khi các ruộng gò đầy đủ nước thì sau đó dùng nhiều nước mà tưới. Bấy giờ các ruộng gò đều vui thích khắp nơi đều vui thích. Các thầy Bí-sô cũng thế, đầu tiên thì dùng phần ly sinh hỷ lạc thấp nhất để nuôi lớn cái thân do các đại tụ họp tạo nên, bấy giờ thân mình được thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, kế đến mới dùng pháp ly sinh hỷ lạc bậc trung mà nuôi dưỡng thân do các đại tụ họp tạo nên, khi đó thì thân mình đã khá đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ. Về sau mới dùng pháp ở bậc cao mà nuôi lớn cái thân do các đại tụ họp tạo nên. Bấy giờ thân mình được vui thích khắp nơi đều vui thích với ly sinh hỷ lạc, trong thân mình không có một phần nhỏ nào mà không được đầy đủ, nghĩa là từ đầu đến chân với ly sinh hỷ lạc làm việc nuôi dưỡng không chỗ nào không đầy đủ cả. Đó gọi là tu định.

Thế nào là định? Nghĩa là đối với thân mình đã có ly sinh hỷ lạc thấm nhuần khắp nơi đều thấm nhuần, đầy đủ khắp nơi đều đầy đủ, vui thích khắp nơi đều vui thích. Cho nên tâm trụ đều trụ... trụ gần, an trụ, không hề tán loạn, luôn nhiếp giữ ngăn ngừa, có tính chất của tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này hoặc tu tập, luôn luôn làm việc, không hề buông bỏ các gia hạnh, gọi chung là tu.

Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, tức là làm sáng tỏ định này có thể làm cho được tự tại và có thể khiến chứng được hiện pháp lạc trú, nghĩa là đối với định này nếu tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, ở trong hiện pháp mà chứng được lạc trú, rất đáng mến ưa thích thú, vừa ý vui lòng, mà không hề trông mong, không suy nghĩ mẩn mộ, luôn vắng lặng an ổn cho nên gọi là lạc trú. Đối với các lạc trú này mà có được thành tựu, luôn gần gũi tiếp xúc với quả chứng, cho nên gọi là chứng đắc.

Lại nữa, sơ tinh lự thân nhiếp cả ly sinh hỷ lạc cùng đi chung với nhau, có tính chất của tâm chuyên chú vào một cảnh, nên gọi là định, tức là đối với định này, mà tu tập làm mọi cách và luôn làm việc, không buông bỏ các gia hạnh, gọi là tu.

Hoặc tu tập, hoặc làm đủ mọi cách, tức là làm sáng tỏ sự tự tại đó hay khiến cho chứng được hiện pháp lạc trú. Nghĩa như trước đã nói.

Đối với tưởng quang minh mà khéo léo thâm giữ

Thế nào là gia hạnh của định quang minh, phải tu gia hạnh nào để nhập được định quang minh?

Nghĩa là đối với định này, người mới tu nghiệp, trước hết nên khéo léo theo dõi nhìn mãi hình ảnh vầng trăng sáng sạch hay vầng mặt trời sáng chói, hoặc chất thuốc Mạt ni, hoặc hình ảnh sáng rực của Thiên cung, hay các ngôi sao rực sáng, hay ánh sáng đèn đuốc, hoặc theo dõi ánh sáng của thành ấp và sông núi bị thiêu cháy, hoặc ánh sáng cháy của mười gánh củi, hoặc hai mươi gánh, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm, một ngàn, một trăm ngàn hoặc vô lượng trăm gánh, vô lượng ngàn, vô lượng trăm ngàn gánh. Ánh lửa sáng phát cháy rừng rực của củi này, càng rực sáng trong suốt sáng lò... Ta chọn lấy một tướng sáng đó rồi luôn theo dõi lắng lòng suy xét hiểu rõ, quan sát thấu suốt và bền bỉ mà phân biệt tìm hiểu. Nhưng trong khi đó nếu người ấy tâm còn bị tán loạn, bay nhảy dong ruổi theo các cảnh khác, không thể chuyên chú vào một cảnh, không thể giữ niệm khiến nó trụ vào một duyên... mà tư duy đến các tướng sáng đã chọn. Đến đây thì chưa thể gọi là gia hạnh của định quang minh được, cũng chưa thể nói là đã nhập định quang

minh. Còn như trong lúc đó mà người này lại kìm giữ được tâm mình, khiến cho tâm không tán loạn bay nhảy khắp mọi nơi, mà có thể chuyên chú vào một cảnh, trụ niệm vào một duyên. Khi tư duy các hình tướng ánh sáng như thế mà phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng, thì đó mới gọi là gia hạnh của định quang minh, cũng gọi là đã nhập được định quang minh.

Với đường lối cách thức này, người đó đã tu tập, lại càng tu tập nhiều hơn mãi, liền khiến cho các tâm trụ đều trụ, trụ gần, an trụ, và cứ một mực giữ mãi như thế một cách chuyên nhất không lui sụt..., mà suy nghĩ về các hình tướng ánh sáng như thế. Đến đây thì mới gọi là nhập vào định quang minh, nhưng vẫn chưa thể gọi là tướng của định quang minh.

Thế nào là tướng của định quang minh? Nghĩa là phải nương theo các định quang minh trước đây mà suy nghĩ về các hình tướng của ánh sáng như trước, các tướng đều tướng, hiểu rõ và giữ lấy các hình tướng về ánh sáng đó, đã và sẽ nghĩ tưởng mãi như thế, thì gọi là tướng của định quang minh.

Cái tướng về định quang minh này, sở dĩ gọi là tướng quang minh, là vì đối với tướng quang minh mà khéo léo thấu giữ, nghĩa là đối với các tướng này mà thấu giữ tuân hành một cách cung kính, ân cần, tôn trọng, suy tư tìm xét kỹ lưỡng về những cái nhân, pháp môn, nghĩa lý và phương tiện hành tướng của nó..., cho nên gọi là khéo léo thấu giữ.

Khéo léo suy tư, nghĩa là đã luôn luôn khởi lên tướng về quang minh rồi thì luôn luôn suy tư nghĩ tưởng về tướng của quang minh, của hình tướng các thứ ánh sáng đã chọn đó.

Khéo tu tập, nghĩa là đối với các tướng đó mà luôn luôn tu tập, rèn luyện làm đủ mọi cách, nên gọi là khéo tu tập.

Khéo thấu suốt, nghĩa là đều xét thấy hiểu rõ tướng đó luôn quan sát tìm hiểu tinh tướng, nên gọi là khéo thấu suốt.

Hoặc ngày hay đêm đều không sai khác, nghĩa là như đối với lúc ban ngày đã tìm xét kỹ lưỡng, tư duy, quan sát thấu hiểu rõ ràng, luôn phân biệt tìm hiểu một cách bền bỉ kiên trì về các hình tướng của ánh sáng như trước đã nói... như thế nào, thì đến phần đêm cũng quan sát tìm hiểu các tướng đúng y như thế.

Hoặc trước hay sau không hề sai khác, là đối với trước mặt hay sau lưng, đối với thời gian trước hay sau khi quan sát, tìm xét hiểu rõ các hình tướng ánh sáng ấy thế nào, thì trước mặt sau lưng hay lúc trước lúc sau đều y như thế cả.

Hoặc dưới hay trên không hề có sự sai biệt, nghĩa là như ở phương dưới tìm hiểu tư duy quán sát rõ ràng và luôn phân biệt tướng tận, như những tướng ánh sáng trước đây, đối với phương trên cũng như vậy; như đối với phương trên thế nào thì đối với phương dưới cũng như thế. Vì vậy nói là hoặc dưới hay trên không hề có sự sai biệt.

Kể cả phương tiện quán sát tìm hiểu đối với phương trên thế nào thì đối với phương dưới cũng y như thế không hề sai khác.

Khai mở tâm trí là phát khởi ra ánh sáng, chiếu sáng rực rỡ, tươi mát sạch sẽ... có tâm cùng thực hành.

Lìa bỏ màn che là xa lìa các thứ hôn trầm mê ngủ ràng rịt che lấp cái tâm.

Dùng ánh sáng mà tu tập chiếu sáng cái tâm, nghĩa là luôn tu tập rèn luyện ánh sáng rực rỡ và tươi mát sạch sẽ khiến tâm có ảnh hưởng lớn.

Từ bỏ cái tâm mờ tối, nghĩa là trong tâm này không khởi lên các tướng tối tăm mờ mịt, mà chỉ khởi lên các tướng sáng suốt, như ánh sáng của đèn đuốc xua tan bóng tối.

Tu vô lượng định, là tu vô lượng định có tướng quang minh sáng suốt. Đó gọi là tu định.

Định là sao? Nghĩa là đối với sự sáng suốt (ánh sáng) mà xét tìm tư duy quán sát tìm hiểu và hiểu biết rõ ràng, luôn bền bỉ phân biệt tìm hiểu mà khởi lên các tâm trụ đều trụ..., cho đến có tính chất của tâm luôn chuyên chú vào một cảnh, thì gọi chung là định.

Tu là sao? Nghĩa là đối với định này nếu luôn tu tập, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., thì gọi chung là tu.

Hoặc tu tập làm đủ mọi cách, tức là chỉ rõ ràng có thể giúp ta được tự tại và có thể khiến ta chứng được tri kiến thù thắng tuyệt vời.

Thế nào là tri kiến thù thắng vi diệu? Nghĩa là đối với định này mà luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách, luôn thực hành thì sẽ đạt đến ngôi vị toàn vẹn viên mãn nhất. Và từ ánh mắt cũ sẽ phát sinh thiên nhãn thanh tịnh do các đại ở cõi Sắc tạo nên. Rồi nương vào thiên nhãn này mà sinh ra nhãn thức thanh tịnh, lại y vào nhãn thức thanh tịnh này mà quán xét được tất cả các sắc trên dưới trước sau, trái phải..., đúng như các sắc tạo nên do các đại của cõi Sắc. Cũng nhờ thiên nhãn bên cạnh ánh mắt cũ như thế v.v... mà sinh ra nhãn thức thanh tịnh, rồi y vào nhãn thức này mà lãnh thọ (nhìn thấy) và quán sát các thức ấy. Đó gọi là tri kiến thù thắng tuyệt diệu. Cũng có người nói ấy là do ý thức thanh tịnh nên nhìn thấy hiểu biết thấu suốt. Tức là do ánh mắt thị này biến

thành thiên nhãn là mắt thần, nên gọi là thắng tri kiến (cái thấy biết tuyệt diệu). Nay nghĩa trong này như trước đã nói, là nhãn thức tương ứng với thắng tuệ (trí tuệ tuyệt diệu) nên gọi là trí, cũng gọi là kiến, nghĩa là thức của thiên nhãn tương ứng với thắng tuệ mà lãnh thọ, nhìn thấy và quan sát mọi thứ sắc ấy. Tri kiến thù thắng tuyệt diệu ở đây, là người ấy đối với định này nếu luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách thì có thể chứng được tri kiến thù thắng, được thành tựu gần gũi tiếp xúc với sự chứng được tri kiến thù thắng. Cho nên gọi là chứng đắc.

Lại còn tâm cùng đi với tướng quang minh mà chuyên chú vào một cảnh thì gọi là định. Tức là đối với định này mà luôn tu tập rèn luyện, làm nhiều cá và luôn thực hành, không hề buông bỏ các gia hạnh thì gọi là tu. Nếu luôn tu tập rèn luyện, làm đủ mọi cách, là làm sáng tỏ sự tự tại của định ấy, thì có thể khiến chứng được tri kiến thù thắng, nghĩa như trước đã nói.

Khéo biết rõ thọ sinh, thọ trụ, thọ diệt, biến mất cả, là quan sát tìm xét hiểu biết về các thọ sinh (các thọ về sinh), thọ trụ, và thọ diệt mà trừ hết các thứ đó.

Luôn trụ niệm, không chỗ nào không trụ niệm, là khi quan sát tìm thấy thọ sinh, thì đầy đủ chánh niệm chánh tri. Quan sát tìm các thọ trụ, thọ diệt cũng đầy đủ chánh niệm chánh tri.

Khéo tưởng, khéo biết về tâm, tức là xét biết quan sát về các tướng tâm sinh là sao, tướng tâm trụ là sao và tướng tâm diệt là thế nào mà diệt trừ chúng cho hết.

Các trụ niệm đều trụ niệm, là khi quan sát tìm các tâm của tướng về sinh thì đầy đủ chánh niệm chánh tri và khi tìm hiểu quán xét các tâm của tướng về trụ về diệt mất thì cũng đầy đủ chánh niệm chánh tri như thế, đó gọi là tu định.

Thế nào là định? Là bấy giờ người ấy nghĩ: Nay ta nên đối với các pháp cần phải chánh tư duy, không khởi lên các pháp chẳng thiện, mà khởi lên các pháp thiện, không khởi lên các pháp vô ký, mà khởi lên các pháp hữu ký (cần ghi nhớ), khiến cho các pháp bất thiện chẳng dừng lâu, mà các pháp thiện thì còn mãi, khiến cho các pháp vô ký chớ dừng lâu, mà các pháp hữu ký thì còn mãi.

Ngay khi đó, người ấy cũng quan sát tâm, cũng quan sát các pháp tâm sở. Khi quan sát các pháp tâm và tâm sở thì khởi lên các tâm trụ đều trụ, cho đến tâm chuyên chú vào một cảnh..., thì gọi chung là định.

Thế nào là tu? Nghĩa là đối với định này, mà luôn tu tập rèn luyện, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., gọi chung là tu.

Nếu thường tu tập làm đủ mọi cách, tức là chỉ rõ định này hay đạt được tự tại.

Có thể khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất, là luôn tu tập rèn luyện định này và làm đủ mọi cách thì có thể khiến cho tất cả các tuệ bất thiện, các tuệ không đúng lý và có bao nhiêu thứ tuệ làm chướng ngại cho định..., đều bị phá sạch, buông xả không khởi lên các tuệ trái nhau..., rồi cứ thế mà thêm lớn và bền bỉ giữ mãi, trụ mãi như thế. Do đây mà nói luôn khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất. Tức là đối với tuệ này mà được thành tựu tiếp cận với quả chứng, nên gọi là chứng được.

Lại còn, khi quan sát xét tìm các tâm của thọ tướng thì đều có tâm chuyên chú vào một cảnh, nên gọi là định. Tức là luôn tu tập rèn luyện định này, thực hành không buông bỏ các gia hạnh, nên nói là tu, và luôn tu tập rèn luyện mọi cách để làm sáng tỏ sự tự tại của nó, khiến cho chứng được tuệ phân biệt tốt nhất, nghĩa như trước đã nói.

Đối với năm uẩn luôn quan sát thấy nó luôn trụ trong sinh diệt v.v..., nghĩa là biết đúng như thật các thứ sắc sinh ra và biến đổi tiêu diệt, cũng biết đúng như thật các thọ- tướng- hành- thức sinh ra, và biến đổi tiêu mất. Đó gọi là tu định.

Định là sao? Là luôn luôn theo dõi quan sát sự sinh diệt của năm uẩn này, rồi khởi lên các tâm trụ đều trụ cho đến tâm luôn chuyên chú vào một cảnh gọi chung là định.

Thế nào là tu? Là luôn tu hành rèn luyện định này, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh..., thì gọi chung là tu.

Nếu mãi tu tập rèn luyện đủ mọi cách, là làm sáng tỏ rằng định này giữ được tự tại, khiến cho chứng được sự dứt sạch các lậu.

Lậu tức là ba thứ lậu: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người ấy luôn tu tập rèn luyện định này, là làm đủ mọi cách có thể khiến cho ba lậu đều dứt sạch, khắp nơi đều dứt sạch, dứt sạch rốt ráo, nên gọi là dứt sạch các lậu. Do sự dứt sạch này mà có được thành tựu, tiếp cận với quả chứng, cho nên gọi là chứng đắc.

Lại còn, ở bậc tĩnh lự thứ tư, (đệ tứ thiền) thâm nhiếp xả niệm thanh tịnh cùng có mặt, để tiến đến quả A-la-hán là đạo vô gián, thâm nhiếp tâm vào một cảnh, gọi là định. Tức là đối với định này, mà luôn rèn luyện tu tập, luôn thực hành, không buông bỏ các gia hạnh, thì gọi chung là tu. Còn nếu luôn tu tập rèn luyện làm đủ mọi cách, là chỉ rõ nó luôn tự tại, khiến cho chứng được sự dứt hết các lậu. Các nghĩa đều như trước đã nói.

Phẩm 15: GIÁC CHI, Phần 1

Thuở ấy, Đức Bạc-già-phạm ngụ tại vườn Cấp-cô-độc, rừng Thệ-đà, thuộc thành Thất-la-phiệt.

Bấy giờ, có vị Bí-sô đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, ngồi sang một bên bạch Phật: Đức Thế Tôn thường nói đến giác chi. Vậy giác chi nói ở đây có nghĩa như thế nào?

Đức Thế Tôn bảo: Giác chi này nói rõ là có bảy giác chi. Bảy thứ ấy là:

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tấn giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

Các giác chi như thế dần theo thứ tự mà khởi và cũng dần theo thứ tự mà chứng được, cần phải tu tập rèn luyện để khiến cho nó được viên mãn.

Khi đó, vị Bí-sô lại bạch Phật: Thế nào là các giác chi này dần theo thứ tự mà khởi, dần theo thứ tự mà chứng được và tu hành khiến cho viên mãn?

Đức Phật bảo thầy Bí-sô: Nếu đối với thân mình mà luôn theo dõi quan sát tìm xét thân mình, luôn an trụ trong chánh niệm, xa lìa ngu si, thì khi đó liền khởi lên Niệm giác chi. Khi được Niệm giác chi rồi thì cố gắng tu tập rèn luyện khiến cho được đầy đủ viên mãn. Người ấy do niệm này mà đối với các pháp cần tuyển chọn, nên tuyển chọn cùng cực, khắp nơi tìm xét suy nghĩ, khắp nơi tìm hiểu (tâm tứ), luôn luôn xét đoán tìm hiểu kỹ lưỡng..., khi đó liền khởi lên (sinh ra) Trạch pháp giác chi. Được Trạch pháp giác chi rồi thì cố gắng tu tập khiến được đầy đủ trọn vẹn. Người này do Trạch pháp mà phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng chuyên cần, tâm không hề hèn kém lui sụt. Bấy giờ liền khởi lên Tinh tấn giác chi. Được Tinh tấn giác chi rồi liền cố gắng tu tập khiến được đầy đủ toàn vẹn. Do sức tinh tấn siêng năng này mà phát sinh niềm vui tốt nhất, xa lìa các ái dục ham muốn. Bấy giờ liền khởi lên Hỷ giác chi. Khi được Hỷ giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được đầy đủ vẹn toàn. Người ấy do hỷ của niềm hoan lạc này nên thân và tâm đều được khinh an (nhẹ nhàng khoan khoái) xa lìa được các

nặng nề thô trực. Bấy giờ liền khởi lên Khinh an giác chi. Khi được Khinh an giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được đầy đủ vẹn toàn. Do Khinh an đó nên người ấy liền có cảm xúc khoái lạc với niềm hoan lạc. Do có hoan lạc nên tâm định. Bấy giờ liền khởi lên Định giác chi. Khi được Định giác chi thì nên cố gắng tu tập để nó được toàn vẹn. Do tâm đã định nên người ấy diệt trừ hết các tham lam lo sầu và trụ vào sự buông xả cao độ. Bấy giờ liền khởi lên Xả giác chi. Khi được Xả giác chi thì nên cố gắng tu tập khiến nó được vẹn toàn. Rồi đối với các thứ thọ- tâm- pháp mà theo dõi quan sát tìm hiểu..., rộng nói cũng như thế. Đó là các giác chi, như thế mà thứ tự dần sinh khởi, thứ tự dần đạt được và cố gắng tu tập khiến chứng được đầy đủ vẹn toàn.

1. Thế nào là Niệm giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu các hàng đệ tử của Thánh luôn theo dõi quan sát nội thân với các thứ chánh cần, chánh tri, chánh niệm đầy đủ và trừ bỏ các tham lam sâu lo ở đời, rồi đối với ngoại thân và cả nội-ngoại thân cũng theo dõi quan sát với đầy đủ chánh cần, chánh tri, chánh niệm và dẹp bỏ tham sâu y như thế. Rồi đối với trong và ngoài của ba thứ thọ- tâm- pháp..., rộng nói cũng y như vậy. Khi tu tập bốn niệm trụ thân- thọ- tâm- pháp như thế thì hết thủy tác ý tương ứng với vô lậu, các niệm tùy niệm (nghĩ nhớ theo đuổi) chuyên niệm (nghĩ chuyên vào một việc) và nghĩ nhớ, không quên không lỗi, không trái không sót, không mất pháp tánh, tâm luôn sáng suốt, ghi nhớ lâu bền, đều gọi chung là niệm. Cũng gọi là niệm căn, cũng gọi là niệm lực, niệm giác chi, hay chánh niệm. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo vô lậu xuất thế không có chấp trước và chuyển biến mãi của Phật của Thánh, nên nó chánh thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới. Những người tu học nên đối với các hành, thấy được mà luôn suy tư tìm xét quan sát khiến cho đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành thì phải nhìn thấy thật rõ, thật thấu suốt các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy thật tinh tường thấu suốt các công đức. Như bậc A-la-hán với tâm giải thoát thì luôn luôn tư duy quan sát khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thủy tác ý tương ứng với vô lậu, các niệm tùy niệm (nhớ nghĩ theo đó mãi)..., cho đến tâm sáng suốt ghi nhớ lâu bền. Đó gọi là Niệm giác chi.

2. Thế nào là Trạch pháp giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu hàng đệ tử của Thánh biết đúng như thật các pháp thiện hay pháp bất thiện, có tội hay không có tội, đáng tu hay không đáng tu, pháp nào thấp kém, pháp nào thắng diệu

(cao siêu mẫu nhiệm), pháp nào đen hay trắng, pháp nào có đối địch, pháp nào duyên sinh...

Hay biết đúng như thật pháp nào thiện hay bất thiện.

Thế nào là pháp thiện? Nghĩa là nghiệp thiện của thân và ngữ, pháp thiện của tâm và tâm sở, tâm không tương ứng với thiện và sự trạch diệt (sự chọn lựa về tịch diệt), thì gọi là pháp thiện.

Thế nào là pháp bất thiện? Nghĩa là nghiệp bất thiện của thân và miệng (hành động và lời nói bất thiện), pháp bất thiện của tâm và tâm sở, tâm không tương ứng với chẳng thiện, đó là pháp bất thiện.

Người này đối với pháp thiện và bất thiện nói trên mà dùng chánh tuệ như thật để chọn lựa tốt cùng, dùng tầm khắp nơi suy tư, dùng tứ khắp nơi tìm xét, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó gọi là biết đúng như thật về các pháp thiện và bất thiện.

Hay biết đúng như thật về các pháp có tội và không tội.

Pháp có tội là sao? Tức là ba hạnh ác, ba căn chẳng thiện, mười nghiệp đạo bất thiện. Đó là ba pháp có tội.

Pháp không tội là sao? Tức là ba diệu hạnh, ba căn thiện, mười nghiệp đạo thiện. Đó là pháp không tội.

Người này đối với pháp có tội và không tội như thế, mà dùng chánh tuệ như thật để chọn lựa, chọn lựa tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó gọi là hay biết đúng như thật các pháp có tội và không tội.

Giữ biết đúng như thật pháp nào đáng tu và không đáng tu.

Thế nào là pháp đáng tu? Đó là ba diệu hạnh, ba căn thiện, mười nghiệp đạo thiện. Việc gần gũi các bậc Thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp tác ý đúng lý, cung kính lắng nghe, kín đáo giữ gìn căn môn, ăn uống biết độ lượng chừng mực, đầu hôm cuối đêm luôn tỉnh thức để suy tư, siêng tu các pháp thiện..., đó gọi là pháp đáng tu, cần phải tu.

Lại còn các pháp: Tứ niệm trụ (thân thọ tâm pháp), bốn chánh thấy, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám chi Thánh đạo, bốn chánh hạnh, bốn pháp tích, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na..., cũng gọi là các pháp cần phải tu.

Thế nào là pháp không nên tu? Đó là ba hạnh ác, ba căn bất thiện, mười nghiệp đạo bất thiện, gần gũi giao du với người chẳng thiện, lắng nghe pháp bất chánh, tà pháp, không tác ý đúng lý, làm các hạnh phi pháp, không cung kính lắng nghe, không cung kính học hỏi, không giữ gìn căn môn, ăn uống không biết độ lượng chừng mực, đầu hôm cuối đêm quen thói ngủ li bì, không siêng tu pháp thiện..., đó gọi là pháp

không nên tu.

Người này đối với pháp nên tu và pháp không nên tu, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu kỹ càng mọi lẽ. Đó gọi là biết đúng như thật pháp nào nên tu và không nên tu.

Giỏi biết đúng như thật pháp nào là thấp kém hay thắng diệu (cao quý tuyệt diệu).

Thế nào là pháp thấp kém? Đó là các pháp bất thiện, bị che trùm vô ký, đó là pháp thấp kém.

Thế nào là pháp thắng diệu? Nghĩa là các pháp thiện và không bị che lấp vô ký, đó là pháp thắng diệu.

Người này đối với pháp thấp kém và thắng diệu như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng. Đó là giỏi biết đúng như thật pháp nào thấp kém hay thắng diệu.

Giỏi biết đúng như thật pháp đen hay trắng, pháp bất thiện gọi là đen, pháp thiện gọi là trắng, pháp có tội thì gọi là đen, pháp không tội thì gọi là trắng, pháp không đáng tu thì gọi là đen, pháp nên tu thì gọi là trắng, pháp thấp kém thì gọi là đen, pháp thắng diệu thì gọi là trắng...

Người này đối với pháp trắng -đen như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là khéo biết đúng như thật các pháp đen- trắng.

Giỏi biết đúng như thật về các pháp đối địch nhau.

Thế nào là pháp có đối nghịch? Nghĩa là tham và không tham đối nghịch nhau, sân giận và không sân giận, si mê và không si mê..., gọi là pháp có đối nghịch.

Người này đối với pháp có đối nghịch như thế dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là giỏi biết đúng như thật về các pháp có đối nghịch.

Giỏi biết đúng như thật về các pháp duyên sinh, nghĩa là pháp duyên khởi và pháp duyên đã sinh, thì gọi chung là pháp duyên sinh. Người này đối với pháp duyên sinh như thế, dùng chánh tuệ như thật mà tuyển chọn, tuyển chọn tốt cùng, dùng tầm mà suy xét khắp chốn, dùng tứ mà tìm hiểu mọi nơi, suy xét tìm hiểu thật kỹ lưỡng thấu suốt. Đó gọi là giỏi biết đúng như thật về pháp duyên sinh.

Người này biết đúng như thật về pháp thiện- chẳng thiện, rộng nói cho đến khi pháp duyên sinh, cả thấy có vô lậu tác ý tương ứng mà đối với pháp tuyển chọn, tuyển chọn tốt bậc, hiểu rõ, hiểu rõ tất cả, hiểu rõ gần, thấu suốt các điều sâu kín, thẩm xét sáng suốt tinh tường, tuệ hành sáng rõ, Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là tuệ, cũng gọi là tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp, giác chi, chánh kiến. Đó gọi là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế không có chấp trước của Phật, nên nó chính thức diệt hết các khổ tận cùng biên giới gây khổ. Những người tu học, thấy có các hành nào thì suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng, khiến đạt được đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành phải thấy sâu xa cái tai họa lầm lỗi của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy sâu xa thấu suốt các công đức. Nếu bậc A-la-hán đối với tâm giải thoát mà suy xét tìm hiểu quan sát thấu suốt khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, đối với pháp mà tuyển chọn..., cho đến Tỳ-bát-xá-na. Đó gọi là Trạch pháp giác chi.

3. Thế nào là Tinh tấn giác chi?

Đáp: Như Đức Thế Tôn nói, nếu các hàng đệ tử Thánh:

Vì muốn đoạn dứt các pháp ác bất thiện đã sinh ra, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn ngừa các pháp ác bất thiện chưa sinh thì đừng sinh, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn các pháp thiện chưa sinh phải sinh ra, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Vì muốn các pháp thiện đã sinh sẽ bền bỉ trụ mãi không quên mất, luôn tu bồi đầy đủ khiến càng rộng lớn mãi trí tác chứng, nên khởi lòng ham thích, phát sinh mạnh mẽ sự siêng năng cần mẫn, khích lệ tâm, giữ gìn tâm.

Người này khi tu tập bốn chánh thắng như thế, hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, với các sự siêng năng cần mẫn, thế lực mạnh mẽ, hăng hái tốt độ khó ngăn cản, lòng luôn cố gắng mãi không ngừng, đều gọi chung là tinh tấn. Cũng gọi là cần tinh tấn, lực tinh tấn, Tinh tấn giác chi hay chánh cần. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là vô lậu xuất thế, không có chấp trước của Phật. Nên nó chính thức diệt hết các khổ tận cùng biên giới gây khổ. Những người tu học, thấy có các hạnh nào thì suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng, khiến đạt được đến

chỗ rốt ráo. Đối với các hành phải thấy sâu xa cái tai họa lầm lỗi của chúng. Còn đối với Niết-bàn thì cũng thấy sâu xa thấu suốt, các công đức. Nếu bậc A-la-hán đối với tâm giải thoát mà suy xét tìm hiểu quan sát thấu suốt khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết thấy tác ý tương ứng với vô lậu, với các sự siêng năng cần mẫn..., cho đến lòng luôn cố gắng mãi không ngừng. Đó gọi là Tinh tấn giác chi.

4. Thế nào là Hỷ giác chi?

Đáp: Nghĩa là như Đức Thế Tôn nói, Đại danh nên biết, nếu các hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến chư Phật, bảo đây là Đức Thế Tôn, là bậc Như Lai, A-la-hán, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trượng phu, Điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật - Bạc-già-phạm. Các vị đệ tử của Thánh đây khi dùng tướng như thế mà nghĩ đến Phật, thì tham sẽ không ràng buộc tâm, sân không ràng buộc tâm, si không ràng buộc tâm. Đối với Như Lai nên tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ Như Lai nên có thể phát sinh niềm vui. Vì có vui nên sinh mừng, vì mừng nên thân được an, thân an nên có hoan lạc vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm đã định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng, khác nhau mà luôn trụ vào chỗ bình đẳng. Đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại, được dự vào dòng pháp, ở bên chư Phật mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ đến chánh pháp, là chánh pháp của Phật, khéo nói các điều hiện thấy, không nóng nảy bứt rứt, đúng thời hướng dẫn chỉ đạo, quan sát đến gần, người trí được nội chứng. Người đệ tử Thánh đó, khi do tướng mà nhớ nghĩ đến pháp, thì tham sân si sẽ không ràng buộc tâm, ở chỗ chánh pháp, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, ở chỗ chánh pháp giới phát sinh niềm vui, vì có vui nên sinh mừng, vì mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm đã định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng, mà được trụ vào chỗ bình đẳng. Đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp. Ở chỗ chánh pháp tu tập tùy niệm... cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến Tăng già (chư Tăng). Nghĩa là các đệ tử Phật, đầy đủ diệu hạnh, hạnh ngay thẳng thành thật, hạnh đúng lý, hạnh pháp tùy

pháp, hạnh hòa kính, hạnh tùy pháp... Lại các vị đệ tử Phật có Dự lưu hướng, quả Dự lưu; có Nhất lai hướng, quả Nhất lai; có Bất hoàn hướng, quả Bất hoàn; có A-la-hán hướng, quả A-la-hán. Như thế gọi chung là có bốn đời- tám lễ Bồ đắc già la Tăng già như thế có đầy đủ giới hạnh, đầy đủ định lực, đầy đủ trí tuệ, đầy đủ giải thoát, đầy đủ giải thoát tri kiến, đáng được mời thỉnh, đáng khuất phục (quy phục), là ruộng phước vô thượng đáng cung kính, đáng được thế gian cúng dường. Các đệ tử Thánh khi có tướng như thế mà nghĩ đến Tăng già thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ Tăng già, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực, vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ Tăng già sẽ khởi sinh các niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, tâm mừng nên thân an, thân an nên có hoan lạc, có hoan lạc nên tâm định, tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ Tăng già mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nhớ nghĩ đến giới hạnh của mình. Nghĩa là giới hạnh thanh tịnh của mình không hề thiếu sót, không lẫn lộn dơ bẩn, xứng đáng thọ lãnh phẩm vật cúng dường mà không chút tối tăm, khéo léo rốt ráo, khéo léo thọ trì tuân giữ. Bạc trí luôn khen ngợi không hề chê bai. Hàng đệ tử Thánh đó khi nhớ tướng như thế mà nghĩ nhớ đến giới hạnh của mình thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ giới hạnh của mình, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực, vì tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ giới hạnh của mình nên khởi sinh niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, vì tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ giới hạnh của mình mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu hàng đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến hạnh bố thí của mình. Nghĩa là: Ta nay đây khéo có được các lợi ích tốt đẹp, tuy đang ở giữa số chúng sinh bị trôi buột ràng rịt của vô lượng sự tham lam keo kiệt dơ bẩn lầm lỗi, nhưng tâm luôn xa lìa được các tật xấu tham lam keo kiệt mà giỏi làm việc ban ân bố thí. Tuy đang ở tại gia nhưng không hề đắm mê tham lam tất cả tiền tài báu vật mà buông tay bố thí, thường lo cúng kiến lớn, cúng dường

các bậc phước điền, ban thí đầy đủ, vui thích phân chia bình đẳng..., các vị đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến hạnh bố thí của mình, khi đó thì tham sân si sẽ không ràng buộc tâm. Ở chỗ hạnh bố thí của mình, thì tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Do tâm chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ hạnh bố thí của mình nên khởi sinh niềm vui. Vì vui nên sinh ra mừng, vì tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định, vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ hạnh bố thí của mình mà tu tập tùy niệm..., cho đến có thể chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Lại nữa, Đại danh nên biết, nếu các đệ tử Thánh do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến chư Thiên, là có các chúng trời Tứ đại vương, trời Ba mươi ba, trời Dạ-ma, trời Đổ-sử-đa, trời Lạc-biến-hóa, trời Tha-hóa-tự-tại... Các trời như thế vì đã thành tựu về tín- giới- văn- xả- tuệ, nên khi ở cõi này chết rồi sẽ được sinh lên các cõi trời ấy mà hưởng được bao nhiêu khoái lạc vui sướng. Nay ta đây cũng có các thứ tín - giới - văn - xả - tuệ, thì cũng sẽ được sinh lên các cõi đó và sẽ cùng với các chúng trời (chư Thiên) cùng hưởng các thứ hoan lạc vui sướng. Hàng đệ tử Thánh ấy, khi do tướng như thế mà nghĩ nhớ đến các trời, thì sẽ không bị tham sân si ràng buộc tâm. Ở chỗ chư Thiên, tâm người ấy ngay thẳng chánh trực. Vì chánh trực nên được nghĩa có oai thế, được pháp có oai thế. Ở chỗ chư Thiên nên sinh khởi được niềm vui. Do vui nên sinh ra mừng, tâm mừng nên thân an, vì thân an nên có hoan lạc, vì có hoan lạc nên tâm định. Vì tâm định nên đối với các loài hữu tình bất bình đẳng thì luôn trụ vào chỗ bình đẳng, đối với các loài hữu tình có não hại thì luôn trụ vào chỗ không bị não hại. Được dự vào dòng pháp, ở chỗ của chư Thiên mà tu tập tùy niệm..., cho đến chứng được Niết-bàn rốt ráo.

Khi người ấy tu sáu pháp tùy niệm như thế, khi tác ý tương ứng với vô lậu thì tâm vui, rất vui và đang rất vui. Tính chất của vui, chủng loại của vui, thích ý vui lòng. Tính chất và chủng loại của vui mừng, niềm vui hòa hợp mãi không chia lìa. Hân hoan vui vẻ, có tánh kham nhiệm (đảm nhận công việc) mừng vui hơn hởi, tính chất của mừng vui hơn hởi (muốn nhảy múa), vui tươi và tính chất của vui tươi hoan hỷ..., gọi chung là Hỷ. Cũng gọi là Hỷ giác chi. Đó là đạo tùy hành, đạo đều có, đạo tùy chuyển, đều là đạo vô lậu xuất thế, không có chấp trước của Phật. Nên có thể chánh thức diệt hết các khổ đến tận cùng biên giới gây

khổ. Những người tu học khi thấy có những hành nào, thì nên cố gắng suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Đối với các hành thì nên thấy sâu xa biết được các tai họa lỗi lầm của chúng. Còn đối với Niết-bàn vĩnh viễn thì cũng sâu xa thấu suốt thấy được các công đức. Nếu bậc A-la-hán như tâm được giải thoát thì nên suy tư tìm xét quan sát kỹ lưỡng khiến đạt đến chỗ rốt ráo. Hết tẩy tác ý đều tương ứng với vô lậu, thì tâm vui và rất vui..., cho đến vui vẻ, tính chất của vui vẻ hoan hỷ. Đó gọi là Hỷ giác chi.

